

của người giao và người nhận, họ tên chữ ký và đóng dấu xác nhận của thủ trưởng 2 bên giao và nhận.

4. Đối với vật tư thuộc quỹ dự phòng đề mất phẩm chất, kém phẩm chất, đơn vị quản lý phải có biện pháp bảo quản chu đáo, cần thiết có thể luân chuyển xuất ra dùng nhưng phải có kế hoạch đưa vật tư mới vào thay thế ngay.

— Nếu là vật tư do ở đơn vị thường xuyên sử dụng cần lập kế hoạch luân chuyển đề định kỳ đưa số vật tư cũ ra sử dụng cho sản xuất và đưa số vật tư mới vào thay thế.

— Nếu số vật tư đó ít có kế hoạch sử dụng ở đơn vị thì lập kế hoạch định kỳ thay thế báo cáo đến cấp trên trực tiếp đơn vị đề tổ chức điều hòa cho đơn vị khác và cấp vật tư mới bù vào.

Trường hợp vật tư đưa vào sản xuất, hao hụt, mất mát, hư hỏng kém mất phẩm chất đơn vị phải tìm mọi biện pháp để bù đủ trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày xảy ra mất mát, hao hụt hoặc đưa ra sử dụng.

5. Các Sở Giao thông vận tải, các Liên hiệp quản lý quỹ dự phòng bảo đảm giao thông có trách nhiệm nắm chắc tình hình quỹ dự phòng đã được cấp phát dự trữ. Hướng dẫn giúp đỡ về mặt nghiệp vụ cho các đơn vị trực thuộc, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quỹ dự phòng mỗi năm ít nhất phải tiến hành kiểm tra kế toán 1 lần quỹ dự phòng của các đơn vị trực thuộc. Hàng quý, năm phải tổng hợp báo cáo tình hình quỹ dự phòng của đơn vị mình, gửi Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính và Ngân hàng đầu tư và xây dựng.

#### IV. KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN QUỸ DỰ PHÒNG BẢO ĐẢM GIAO THÔNG

Các đơn vị được cấp phát quỹ dự phòng bảo đảm giao thông áp dụng hệ thống tài khoản kế toán thống nhất ban hành theo

quyết định số 425-TC/CĐKT ngày 14-12-1970 của Bộ Tài chính đề ghi chép kế toán về quỹ dự phòng trên sổ sách kế toán tổng hợp của đơn vị nhưng phải nhớ các điều khoản và các sổ sách kế toán chi tiết cần thiết đề theo dõi và báo cáo quỹ dự phòng. Tài khoản, tiêu khoản dùng đề phản ánh quỹ dự phòng, mở thêm chữ «A» đề phân biệt như: vật tư dự phòng, tiêu khoản 07-1A, vốn lưu động dự phòng 85.2A...

Hàng tháng, quý và năm các Sở Giao thông vận tải, các Liên hiệp xí nghiệp giao thông, được cấp phát quỹ dự phòng phải trích báo cáo kế toán, riêng về quỹ dự phòng gửi về Bộ, Bộ Tài chính và Ngân hàng đầu tư xây dựng theo chế độ báo cáo kế toán định kỳ Nhà nước quy định.

Những quy định hướng dẫn thể thức quản lý quỹ dự phòng bảo đảm giao thông trên đây các Sở Giao thông vận tải, các liên hiệp cần nghiên cứu quán triệt và thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc báo cáo về Bộ nghiên cứu hướng dẫn tiếp.

K.T. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Thứ trưởng

BÙI DANH LƯU

#### BỘ TÀI CHÍNH

**THÔNG TƯ** của Bộ Tài chính số 13-TC/ĐTXD ngày 10-3-1985  
 Hướng dẫn về việc trích lập và sử dụng quỹ khấu hao cơ bản đề lại cho xí nghiệp và bổ sung sửa đổi một số điểm trong chế độ khấu hao tài sản cố định

Đề thực hiện nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6



(khóa V) và nghị quyết số 156-HĐBT ngày 30-11-84 của Hội đồng Bộ trưởng « về một số vấn đề cải tiến quản lý công nghiệp quốc doanh », nhằm đề cao tinh thần trách nhiệm trong việc quản lý và bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa; nâng cao quyền tự chủ tài chính của các xí nghiệp trong việc đầu tư xây dựng, mua sắm, đổi mới tài sản cố định, Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ khấu hao tài sản cố định như sau :

## I. VỀ VIỆC TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG QUỸ KHẤU HAO CƠ BẢN ĐỀ LẠI CHO XÍ NGHIỆP

1. Xí nghiệp được trích và đề lại một phần hay toàn bộ khấu hao cơ bản là những xí nghiệp hạch toán kinh tế độc lập.

2. Mức khấu hao cơ bản được trích đề lại xí nghiệp :

— Căn cứ vào mức khấu hao cơ bản đã quy định trong quyết định số 215-TC/CĐTC ngày 2-10-1980 của Bộ Tài chính và một số điểm bổ sung sửa đổi chế độ khấu hao tài sản cố định sẽ nói ở phần II dưới đây, vào tính chất của tài sản cố định và yêu cầu đổi mới kỹ thuật của từng xí nghiệp, Bộ chủ quản chuyên ngành, quy định tỷ lệ phần trăm (%) khấu hao cơ bản đề lại cho các loại hình xí nghiệp thuộc ngành mình trong phạm vi định mức (%) tối đa đã được quy định (theo phụ lục kèm theo thông tư này). Trước khi công bố cho các xí nghiệp áp dụng, phải có ý kiến thỏa thuận của Bộ Tài chính.

— Xí nghiệp được lấy toàn bộ số khấu hao cơ bản đã trích của tài sản cố định đầu

tư bằng nguồn vốn tín dụng Ngân hàng để trả nợ vay. Sau khi trả hết nợ vay xí nghiệp vẫn còn tiếp tục trích khấu hao thì phần khấu hao cơ bản đó được để lại đưa vào nguồn vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản của xí nghiệp.

— Xí nghiệp được để lại toàn bộ số trích khấu hao cơ bản của tài sản cố định đầu tư bằng vốn tự có để tiếp tục hình thành nguồn vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản của xí nghiệp.

— Đối với tài sản cố định đến kỳ sửa chữa lớn, nhưng xét thấy tài sản cố định cần đổi mới kỹ thuật, không cần thiết sửa chữa lớn theo định kỳ, được cơ quan quản lý cấp trên đồng ý, xí nghiệp được sử dụng phần vốn sửa chữa lớn thuộc tài sản cố định này để bổ sung nguồn vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản.

3. Nguyên tắc sử dụng và quản lý vốn khấu hao cơ bản để lại cho xí nghiệp.

— Số khấu hao cơ bản để lại cho xí nghiệp là một phần nguồn vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản của xí nghiệp. Xí nghiệp được dùng vào việc đầu tư thay thế thiết bị, duy trì năng lực sản xuất của xí nghiệp và bổ sung xây dựng các công trình mới hoặc đầu tư chiều sâu các công trình nhỏ (có thời hạn thu hồi vốn dưới 5 năm).

— Vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản trích được từ khấu hao tài sản cố định từ quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, quỹ phúc lợi phải được gửi ngay vào tài khoản tiền gửi « vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản » của đơn vị phải mở tại Ngân hàng đầu tư và xây dựng. Việc sử dụng phải theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ trích lập, quản lý,



sử dụng và điều hòa vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản của xí nghiệp quốc doanh.

## II. MỘT SỐ ĐIỂM KHÁC BỔ SUNG, SỬA ĐỔI CHẾ ĐỘ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 215-TC — CĐTC NGÀY 2-10-1980 CỦA BỘ TÀI CHÍNH

1. Sửa đổi điều kiện về tài sản cố định quy định trong «điều 1» chế độ khấu hao tài sản cố định như sau:

Những tư liệu lao động có đủ hai điều kiện dưới đây thuộc tài sản cố định:

+ Có giá trị 10 000 đồng tiền Ngân hàng trở lên

+ Thời gian sử dụng trên một năm.

2. Bổ sung thêm vào «điều 8» quy định về những tài sản cố định chỉ tính khấu hao cơ bản, không tính khấu hao sửa chữa lớn:

+ Các loại sách kỹ thuật, thiết kế điển hình, bằng phát minh.

+ Súc vật làm việc và cho sản phẩm.

3. Sửa lại «điều 11» như sau:

Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn tham gia sản xuất thì vẫn trích khấu hao cơ bản và tính vào giá thành sản phẩm, xí nghiệp được đưa tiền khấu hao này vào quỹ khuyến khích phát triển sản xuất của xí nghiệp, không phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

4. Sửa lại «điều 12» như sau:

Tài sản cố định chưa khấu hao hết mà đã bị hư hỏng không tham gia sản xuất được nữa thì xí nghiệp vẫn phải trích

nộp khấu hao cơ bản nhưng không được tính vào giá thành mà lấy từ phần lợi nhuận để trích lập quỹ khuyến khích phát triển sản xuất của xí nghiệp.

5. Sửa lại «điều 13» như sau:

Đối với tài sản cố định phục vụ cho các công việc khai thác trong hầm lò hoặc các công trình phụ trợ trong xây dựng cơ bản... mà công dụng và tuổi thọ của tài sản cố định dài hơn thời gian công việc phục vụ, sau khi công việc đã hoàn thành, tài sản cố định đó không dùng cho mục đích khác được thì tỷ lệ khấu hao cơ bản được xác định theo khối lượng sản phẩm dự định khai thác hoặc thời gian công việc mà tài sản cố định đó phải phục vụ.

6. Bỏ «điều 29» quy định về việc nộp quỹ khấu hao sửa chữa lớn thừa không sử dụng hết.

## III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH :

Thông tư này được thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 1985. Các Bộ, các ngành và các cơ quan tài chính có trách nhiệm hướng dẫn kiểm tra các đơn vị xí nghiệp thi hành chế độ khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo quyết định số 215-TC/CĐTC và các quy định sửa đổi bổ sung trong thông tư này.

Các quy định của các Bộ, các ngành, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trái với thông tư này đều không có hiệu lực thi hành.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thú trưởng

HỒ TẾ

## Phụ lục

**TỶ LỆ KHẤU HAO CƠ BẢN ĐỀ LẠI XÍ NGHIỆP**  
(Kèm theo thông tư số 13 — TC/ĐTXD ngày 10 tháng 3 năm 1985)

Theo ngành kinh tế	Tỷ lệ khấu hao cơ bản (tối đa) đề lại cho xí nghiệp so với tổng số khấu hao cơ bản trích được trong năm (%)
--------------------	---

**I. Ngành công nghiệp**

<b>1. Công nghiệp điện năng</b>	
— Nhiệt điện	35
— Thủy điện	25
<b>2. Công nghiệp nhiên liệu</b>	
— Khai thác, tuyển chọn, chế biến than	100
— Khai thác chế biến dầu và khí đốt	30
<b>3. Công nghiệp luyện kim</b>	30
<b>4. Công nghiệp cơ khí</b>	
— Sản xuất, chế tạo máy móc thiết bị	40
— Cơ khí sửa chữa	30
— Sản xuất dụng cụ thô sơ	40
<b>5. Công nghiệp kỹ thuật điện và điện tử</b>	30
<b>6. Công nghiệp hóa chất</b>	30
— Sản xuất hóa chất, cao su chất dẻo và sản phẩm từ hóa chất, cao su, chất dẻo khác	30
— Sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu	40
— Sản xuất thuốc các loại	40
<b>7. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng</b>	50
<b>8. Công nghiệp khai thác gỗ, vận chuyển gỗ từ nơi khai thác đến kho bãi</b>	50
<b>9. Công nghiệp chế biến và sản xuất sản phẩm từ gỗ</b>	30
<b>10. Công nghiệp sản xuất các sản phẩm từ tre nứa, trúc, song, mây...</b>	50



11.	Công nghiệp xen-lu-lô, giấy, các-tông	40
12.	Công nghiệp thực phẩm	40
13.	Công nghiệp lương thực	40
14.	Công nghiệp dệt	30
15.	Công nghiệp may đo quần áo các loại	30
16.	Công nghiệp thuộc da và giả da và sản xuất các sản phẩm từ da và giả da	30
17.	Công nghiệp sành sứ và thủy tinh	30
18.	Công nghiệp in	30
19.	Công nghiệp khác	30

## II. Ngành xây dựng

20.	Các xí nghiệp xây, lắp	50
21.	Các xí nghiệp thăm dò địa chất, khảo sát, đo đạc, khoan sâu	40

## III. Ngành nông nghiệp

22.	Các nông trường	100
23.	Trạm máy kéo	50
24.	Công trình thủy nông, thủy lợi	50
25.	Trại chăn nuôi	40
26.	Xí nghiệp nuôi cá, thủy sản	50

## IV. Ngành lâm nghiệp

27.	Trồng rừng, tu bổ, cải tạo rừng	100
28.	Các xí nghiệp chăm sóc cây trồng và thu hái quả	40

## V. Ngành giao thông vận tải

29.	Vận tải đường bộ	30
30.	Vận tải đường thủy	30
31.	Vận tải đường sắt	40

32. Vận tải hàng không	30
33. Vận tải đường sông	40
34. Xí nghiệp bốc dỡ	40

**VI. Bưu điện, thông tin, liên lạc** 30

**VII. Thương nghiệp, cung ứng vật tư thu mua** 40

**VIII. Các ngành sản xuất vật chất khác** 30

## BỘ VĂN HÓA

**QUYẾT ĐỊNH** của Bộ Văn hóa số 666-VH/QĐ ngày 1-4-1985 xếp hạng 3 di tích lịch sử và văn hóa

— Căn cứ vào điều 46 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 19-12-1980 :

— Căn cứ Pháp lệnh số 14-LCT/HĐNN7 ngày 4-4-1984 của Hội đồng Nhà nước, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam « bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh ; »

— Căn cứ đề nghị của Vụ trưởng Vụ bảo tồn bảo tàng về việc công nhận di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh ;

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** — Nay công nhận: Ba di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh thuộc 3 tỉnh sau đây:

### Thành phố Hà Nội

— Di tích lịch sử: Chùa Kim Sơn, phố Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình.

Tỉnh An Giang.

— Di tích lịch sử: Đồi Túc Dục, xã An Ninh, huyện Tri Tôn

Tỉnh Sông Bé

— Di tích lịch sử: Mộ 3000 đồng bào An Lộc bị đế quốc Mỹ tàn sát ngày 3-10-1972.

**Điều 2.** — Mọi hoạt động xây dựng, khai thác trong những khu vực bảo vệ của những di tích này cần được phép của Bộ trưởng Bộ Văn hóa.

**Điều 3.** — Ủy ban Nhân dân các cấp thuộc thành phố Hà Nội, tỉnh An Giang, tỉnh Sông Bé thực hiện việc quản lý về mặt Nhà nước đối với các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh theo pháp lệnh « bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh » của Hội đồng Nhà nước đã ban hành.

**Điều 4.** — Chánh văn phòng Bộ Văn hóa, Vụ bảo tồn bảo tàng, Ủy ban Nhân